

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 17/10/2018

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Đoàn Thị Ánh Hương

+ Bà Lại Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 253/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/8/2018 về việc: “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXX - ST ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn Ph, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Lê Xuân T sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn Ph, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị Th có mặt còn anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày: Chị Th và anh T xây dựng gia đình với nhau năm 2010 trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống đồng thời do anh T có tính gia trưởng,

thậm chí anh T còn đánh đập chị. Đã nhiều lần chị nói chuyện với anh T giải quyết mâu thuẫn mong anh T thay đổi để vợ chồng hàn gắn lại tình cảm nhưng đều không được. Đến nay chị Th xác định không còn tình cảm với anh T nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung chị Th xác định quá trình chung sống chị và anh T có một con chung là Lê Xuân H, sinh ngày 18/01/2011, khi ly hôn chị yêu cầu giao con cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị Th xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời nộp kèm theo đơn khởi kiện chị Th đã nộp các chứng cứ gồm bản chính giấy chứng nhận kết hôn, trích lục giấy khai sinh của con chung, bản phô tô sổ hộ khẩu, bản phô tô chứng minh nhân dân của chị Th và anh T.

Bị đơn anh Lê Xuân T trình bày: anh T và chị Th đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nay chị Th yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị Th. Về con chung anh xác định có một con chung là Lê Xuân H, sinh ngày 18/01/2011, khi ly hôn anh yêu cầu nuôi con và không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh T xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung anh T xác định không có. Đồng thời anh T có đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T nhưng anh T không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Th, xử cho chị Th được ly hôn với anh T. Về con chung: giao con cho anh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Về tài sản chung và nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Xuân T có đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh T xây dựng gia đình với nhau năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 26/02/2010. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị Th làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa, chị Th xác định không còn tình cảm với anh T và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn còn anh T vắng mặt nhưng tại đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt anh T cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh T phát sinh là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và do không tự kiềm chế được nên lúc xảy ra xung đột đã xúc phạm đến lòng tự trọng của nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Mặt khác theo kết quả xác minh thực tế tại địa phương thì do anh chị không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm nên không khí trong gia đình luôn căng thẳng. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài không còn khả năng để cải thiện, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Th, xử cho chị Th và anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Th và anh T có một con chung là Lê Xuân H, sinh ngày 18/01/2011. Khi ly hôn chị Th yêu cầu giao con cho anh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, cháu H đã trên bảy tuổi và có nguyện vọng được sống cùng với bố. Hơn nữa anh T yêu cầu được nuôi con khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con cho anh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn phù hợp.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh T đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, còn nợ chung cả chị Hường và anh Đông đều xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nhung phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Th, xử cho chị Lê Thị Th và anh Lê Xuân T được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con là Lê Xuân H, sinh ngày 18/01/2011 cho anh Lê Xuân T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Chị Lê Thị Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/000712 ngày 28/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị Th đã nộp đủ án phí.

Báo cho chị Th biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (17/10/2018), còn anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quỳnh

